

Bản án số **30/2021/HNGĐ-ST**

Ngày 22/9/2021

V/v “Ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Vinh

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Công Chi

2/ Bà Huỳnh Thị Lệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ngô Khánh Loan - Thư ký Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu tham gia phiên tòa: Ông Võ Phước Khánh Toàn – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 91/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2021 về việc “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2021 và Thông báo thời gian, địa điểm mở lại phiên tòa số 91/TB-TA ngày 13 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trương Thị Quỳnh O – sinh năm 1996; địa chỉ: K75/05 H, phường H, quận H, TP. Đà Nẵng. *(Có mặt)*

- Bị đơn: Ông Nguyễn P – sinh năm 1992; địa chỉ: K247 N, phường H, quận L, TP. Đà Nẵng. Hiện đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở xã hội Bầu Bàng TP. Đà Nẵng *(Vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt)*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn xin ly hôn, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn – bà Trương Thị Quỳnh O trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà O và ông Nguyễn P tự nguyện kết hôn vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, quận L, TP. Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống ở K247 N, phường H, quận L, TP. Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống đến năm 2018 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông P thường xuyên sử dụng ma túy và đi cai

nghiện nhiều lần, không chăm lo gia đình và con cái. Đến nay bà O xác nhận không còn tình cảm với ông P nữa, đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

- Về con chung: Bà O khai nhận vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Anh K – sinh ngày 11 tháng 11 năm 2013. Bà O yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

- Về quan hệ chia tài sản: Bà O khai nhận không có tài sản chung, không có nợ chung.

*** Theo biên bản lấy lời khai ngày 07/9/2021, ông Nguyễn P trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Ông P và bà O tự nguyện kết hôn vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Hòa Hiệp Bắc, quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng tôi sống ở K247 Nguyễn Văn Cừ, phường Hòa Hiệp Bắc, quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn do ông P có sử dụng chất ma túy và đi cai nghiện nhiều lần. Nay mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được nên ông P đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Ông P khai nhận vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Anh K – sinh ngày 11 tháng 11 năm 2013. Ông P đồng ý giao con chung cho bà O nuôi dưỡng, ông P không cấp dưỡng nuôi con.

- Về quan hệ chia tài sản: Ông P khai nhận không có tài sản chung, không có nợ chung.

*** Ý kiến của đại diện VKSND quận Liên Chiểu:**

- Về thủ tục tố tụng: Thống nhất về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Bị đơn không chấp hành các thông báo của Tòa án.

- Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Có căn cứ cho thấy tình trạng hôn nhân của ông P và bà O đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn giữa bà Trương Thị Quỳnh O và ông Nguyễn P.

+ Về con chung: Xét thấy cháu Nguyễn Anh K – sinh ngày 11 tháng 11 năm 2013, chưa trưởng thành và cần nhiều thời gian chăm sóc, hiện cháu đang sinh sống ổn định cùng mẹ, việc giao cháu K cho mẹ nuôi dưỡng là phù hợp cho quá trình phát triển của cháu K. Do đó, căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao cháu K cho bà Trương Thị Quỳnh O trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi, ông Nguyễn P không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng: Trong suốt quá trình tố tụng để giải quyết vụ án này, TAND quận Liên Chiểu đã thông báo để ông P biết có mặt tại Tòa án nhằm tiếp cận, công khai các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như hòa giải nhưng ông P đều vắng mặt. Ngày 07/9/2021, Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu đã tiến hành lấy lời khai của ông P và ông P yêu cầu xét xử vắng mặt, HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 227 BLTTDS tiến hành xét xử ông Nguyễn P.

2. Về nội dung tranh chấp:

- Quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị Quỳnh O và ông Nguyễn P tự nguyện kết hôn vào năm 2014 và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Hòa Hiệp Bắc, quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 114/2014 quyển số 01/2014 ngày 12/11/2014. Do đó, hôn nhân của bà O và ông P là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Bà O và ông P cùng xác định trong quá trình sinh sống, vợ chồng bà O và ông P đã xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân của sự mâu thuẫn do không hợp nhau về tính tình, quan điểm sống. Ông P thường xuyên sử dụng chất ma túy và đã ba lần đi cai nghiện bắt buộc, ông P không có trách nhiệm với gia đình. HĐXX xác định: Mâu thuẫn của vợ chồng bà O và ông P đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân này nên yêu cầu ly hôn của bà O đối với ông P là phù hợp với quy định Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- **Quan hệ con chung:** Bà O và ông P cùng xác định có 01 con chung là Nguyễn Anh K – sinh ngày 11 tháng 11 năm 2013. Nguyên vọng của bà O được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con. HĐXX nhận định: Hiện nay, con chung đã chung sống ổn định với bà O, được bà O chăm sóc, nuôi dưỡng phát triển rất tốt và có nguyện vọng được ở với mẹ. Đồng thời, tại biên bản ghi lời khai, ông P đồng ý giao con chung cho bà O nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con. Do đó, nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện, đáp ứng được các nhu cầu thiết yếu để các con chung phát triển thường, tốt nhất có thể nên HĐXX căn cứ vào quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật HN & GD chấp nhận yêu cầu của bà O.

- **Về tài sản chung, nợ chung:** Bà O và ông P xác định không có nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

Nếu sau này bà O và ông P có tranh chấp về vấn đề tài sản chung, nợ chung thì có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện dân sự khác.

2. Về án phí HNGĐ sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Trương Thị Quỳnh O chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, 227, 235, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Quỳnh O với ông Nguyễn P.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị Quỳnh O được ly hôn với ông Nguyễn P.

(Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn 114/2014 quyển số 01/2014 ngày 12/11/2014 tại UBND phường Hòa Hiệp Bắc, quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng hết hiệu lực, kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật).

- Về con chung: Giao 01 con chung là Nguyễn Anh K – sinh ngày 11 tháng 11 năm 2013 cho bà Trương Thị Quỳnh O trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn P không cấp dưỡng nuôi con chung.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) bà Trương Thị Quỳnh O phải nộp, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0009231 ngày 12/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự quận Liên Chiểu – TP Đà Nẵng.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Liên Chiểu;
- Chi cục THADS quận Liên Chiểu;
- UBND phường Hòa Hiệp Bắc.
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Hữu Vinh